

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/HC-ST

Ngày: 12 – 01 - 2026

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Phương;

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Vĩnh Kỳ và ông Phạm Văn Trinh;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huyền Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2024/TLST-HC ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2025/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (Nay là khu phố A, phường P, tỉnh Lâm Đồng) (Hợp đồng ủy quyền ngày 14/6/2024). (Có mặt)

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

2.1. Ông Đỗ Ngọc H - Chức vụ: Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã (Văn bản số 1206/UBND-VP ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

2.2. Ông Trần Văn T1 - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế xã (Văn bản số 1206/UBND-VP ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã T;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

3.1.1. Ông Đỗ Ngọc H - Chức vụ: Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã (Văn bản số 1206/UBND-VP ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

3.1.2. Ông Trần Văn T1 - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế xã (Văn bản số 1206/UBND-VP ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân xã T;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

3.2.1. Ông Đỗ Ngọc H - Chức vụ: Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã (Văn bản số 1206/UBND-VP ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

3.2.2. Ông Trần Văn T1 - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Kinh tế xã (Văn bản số 1206/UBND-VP ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

3.3. Ông Đỗ Quan Phú C, sinh năm 1966; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng). (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị D trình bày: Vào thời gian khoảng năm 1993, hưởng ứng chủ trương của Đảng và Nhà nước lúc bấy giờ: “*Nhà nước khuyến khích người sử dụng đất đầu tư khai hoang, vỡ hóa, lấn biển, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, đất cồn cát ven biển để mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối...*” (Điều 5 Luật Đất đai năm 1993), gia đình bà Nguyễn Thị D tiến hành khai hoang mảnh đất có hiện trạng lúc đó là cát trống, hoang hóa thuộc khu vực ven biển xã T (Giáp ranh với

xã T cùng huyện H, tỉnh Bình Thuận cũ), để sử dụng vào mục đích trồng các loại cây lâu năm như phi lao, keo lá tràm...

Đến ngày 04/9/2003, bà Nguyễn Thị D làm “Đơn xin xác nhận trồng rừng” gửi chính quyền địa phương có liên quan, nội dung trình bày về sự việc gia đình khai hoang khu đất giáp ranh xã T - T để trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc và phát triển kinh tế gia đình theo chủ trương khuyến khích của Nhà nước từ thời điểm năm 1993, với diện tích khoảng 03 ha; Không có tranh chấp; Do Nhà nước có chủ trương quy hoạch du lịch nên gia đình đề nghị xác nhận việc trồng rừng nói trên là hợp pháp để sau này được đền bù theo quy định pháp luật. Đơn này đã được Chủ tịch UBND xã T xác nhận ngày 05/9/2003. Ngoài ra còn có chữ ký xác nhận của người thực hiện Hợp đồng trồng rừng cho bà D vào các năm 1993 và 1996 là ông Trương Hoàng P - Cán bộ của Trạm kiểm soát Biên phòng S và có sự xác nhận của Ban Chỉ huy Đoàn biên phòng số 450 ngày 10/09/2003.

Từ sau khi có quy hoạch du lịch, xuất hiện phong trào xây dựng các công trình kiến trúc trái phép, trồng cây tự phát... của các hộ dân nhằm trục lợi (Đón đầu cho việc yêu cầu các chủ dự án du lịch phải thực hiện việc hỗ trợ, đền bù khi tiến hành đầu tư tại địa phương). Trước tình hình đó, UBND huyện H đã thành lập Tổ kiểm tra, tích cực ngăn chặn tình trạng bất thường này lan tràn tại địa phương, nhất là tại các xã ven biển là Thuận Q và T. Ngày 25/9/2003, Tổ kiểm tra được Chủ tịch UBND huyện H thành lập theo Quyết định số 379/QĐ/CT.UBHTN ngày 25/6/2003 đã tiến hành lập “Biên bản kiểm tra xác minh nguồn gốc đất” số 01/BBKT với nội dung ghi nhận kết quả kiểm tra đất của bà Nguyễn Thị D, cụ thể như sau:

- Diện tích đất sử dụng 23.100 m²; loại đất trồng rừng năm 1993;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Tự khai phá để trồng rừng – không có xin phép địa phương; Không có tranh chấp; Đất thuộc xã T (Ranh giới xã T - T); Hiện trạng có cây keo và phi lao.

Qua kết quả kiểm tra, xác minh và xem xét ngoài thực địa. Tổ kiểm tra nhất trí đánh giá và xác nhận việc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D như sau:

- Có đơn xác nhận của đơn vị hợp đồng trồng rừng cho hộ bà Nguyễn Thị D.

Sau đó, đến ngày 28/10/2003, cán bộ Phòng Địa chính huyện H có lập biên bản với tên gọi là “Biên bản vi phạm hành chính về pháp luật đất đai” nhưng về nội dung chỉ ghi nhận sự việc gia đình bà D xây dựng trụ rào, cất chòi tạm trên đất quy hoạch phát triển du lịch. Đồng thời, đề nghị bà Nguyễn Thị D tháo dỡ chòi đã làm trên đất phát triển du lịch và không tiếp tục xây dựng các công trình kiên cố hoặc trồng trụ rào thêm trên đất. Như vậy, thực chất đây chỉ là một biên bản làm việc bình thường của cơ quan chức năng nhằm chấn chỉnh, ngăn ngừa tình hình xây dựng trái phép của người dân trên đất quy hoạch du lịch, không phải

là biên bản vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất công do địa phương quản lý.

Hiện tại, trong tổng diện tích đất của gia đình bà Nguyễn Thị D khoảng 37.292 m² thì có 24.147 m² gia đình bà đã thỏa thuận bồi thường với Công ty D1 trong năm 2022, diện tích còn lại 10.280,2 m² gia đình vẫn đang quản lý, sử dụng đến nay.

Sự việc gia đình bà Nguyễn Thị D khai hoang đất tại khu vực ven biển, giáp ranh xã T và xã T vào thời gian như đã nói ở trên (Hiện trạng lúc đó là đất cát trống, đất hoang hóa) là sự thật, được rất nhiều người dân sinh sống lâu năm tại địa phương chứng kiến. Đồng thời, sự việc này cũng được ghi nhận trong nhiều văn bản có liên quan đến việc quản lý đất đai của chính quyền địa phương các cấp, qua từng thời kỳ, chẳng hạn nội dung tại Công văn số 40/UBND ngày 01/12/2014 của UBND xã T về việc kết luận tính pháp lý về nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị D thuộc dự án du lịch C, có xác định như sau:

“Vào ngày 27/11/2014, UBND xã T tiến hành tổ chức họp Hội đồng tư vấn xét tính pháp lý về nguồn gốc đất của hộ bà Nguyễn Thị D có đất bị thu hồi thuộc dự án du lịch Cộng Đồng:

Gồm thửa số 2, diện tích 4.721 m², tờ bản đồ 48 do Văn phòng ĐKQSDĐ tỉnh lập ngày 18/9/2014 thuộc dự án khu D.

Hiện trạng sử dụng đất: Cây lâu năm khác, xâm canh trên đất thuộc địa bàn UBND xã T quản lý.

Nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị D trước năm 1997 là đất hoang hóa, không ai tác động. Năm 1997 bà Nguyễn Thị D có đến tác động trồng keo, cây phi lao trên đất sử dụng đến nay”.

Cùng căn cứ theo nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 05/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện H, có nêu rõ như sau:

“Theo Biên bản số 01/BBKT ngày 25/9/2003 của Tổ kiểm tra 379 (Thành lập theo Quyết định 379/QĐ/CT.UBHTN ngày 25/6/2003 của Chủ tịch UBND huyện) về việc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị D: Diện tích đang sử dụng 23.100m²; Loại đất: Trồng rừng; Năm sản xuất: 1993; Nguồn gốc đất tự khai phá để trồng rừng; Hiện trạng có cây keo và cây phi lao; Đất không tranh chấp...

Theo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra thành lập theo Quyết định số 934/QĐ-CTUBND ngày 26/9/2005 của Chủ tịch UBND huyện: Tổng diện tích đất bà Nguyễn Thị D đang sử dụng là 37.292 m² (Đo đạc bằng máy định vị GPS III), trong đó diện tích có cây keo và phi lao lớn: 17.768 m² trồng năm 2000; Diện tích có cây keo và phi lao nhỏ: 19.524 m² trồng năm 2004.

Qua kết quả kiểm tra, Đoàn kiểm tra thành lập theo Quyết định số 934/QĐ-CTUBND ngày 26/9/2005 của Chủ tịch UBND huyện có Báo cáo số 19/BC-ĐKT ngày 11/4/2006, kết luận: Trước năm 2000, diện tích đất bà Nguyễn Thị D đang

sử dụng là đất cát trống; Năm 2000, bà D bao chiếm để trồng rừng. Tháng 10/2003, cất chòi tạm (Khung gỗ, lợp ngói, nền có một phần lán xi măng); Năm 2004, bà D tiếp tục trồng rừng.

Năm 2016, bà Nguyễn Thị D có làm hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ theo quy định của Nhà nước nhưng không được UBND huyện H giải quyết.

Việc ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND huyện H: Ngày 03/7/2023, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 109/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Theo đó, bà Nguyễn Thị D bị buộc phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện H: Không đồng ý với việc ban hành quyết định xử lý vi phạm hành chính nêu trên, ngày 07/8/2023 bà Nguyễn Thị D có đơn khiếu nại lần đầu và đến ngày 04/5/2024, Chủ tịch UBND huyện H có Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, theo đó giữ nguyên Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Từ năm 1993, gia đình bà Nguyễn Thị D có khai hoang diện tích đất ven biển thuộc khu vực giáp ranh hai xã T và T là phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước lúc bấy giờ. Suốt trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà Nguyễn Thị D chấp hành đầy đủ mọi quy định và yêu cầu quản lý của địa phương, việc sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp với ai khác. Bà Nguyễn Thị D cũng chưa từng bị chính quyền địa phương ngăn cản hay bị xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng đất trái phép. Năm 2016, bà Nguyễn Thị D tiến hành làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Nhà nước nhưng không được UBND huyện H giải quyết. Năm 2022, gia đình bà Nguyễn Thị D cũng đã tự nguyện giao một phần diện tích đất này cho Công ty D1 để thực hiện dự án du lịch (Có Biên bản thỏa thuận đền bù giữa hai bên với sự tham gia, chứng kiến đầy đủ của chính quyền địa phương).

Như vậy, với quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài hơn 30 năm, không có tranh chấp, không vi phạm pháp luật đất đai, lẽ ra gia đình bà phải được xem xét giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình làm ăn sinh sống lâu dài. Nhưng Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị D do đã có hành vi vi phạm hành chính về đất đai. Việc ban hành quyết định này là thiếu tình người, bất chấp thực tế, thiếu cơ sở pháp lý do không tuân thủ đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện H cũng hết sức mâu thuẫn và không nêu ra được chứng cứ chứng minh về hành

vi phạm pháp luật của bà dẫn đến bị buộc phải khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính.

Nay bà Nguyễn Thị D làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận để được xem xét, giải quyết với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện H buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D (Lần đầu).

2. Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H trình bày tại Công văn số 3248/UBND-TNMT ngày 27/11/2024:

Việc xử lý vi phạm hành chính: Diện tích đất 10.280,2 m² tại thôn K, xã T (Xác định theo Mảnh chỉnh lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Thuận Nam đo vẽ và được UBND xã T ký xác nhận ngày 19/6/2023) nằm trong vùng đệm 5.957 ha của Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Kóu được Thủ tướng Chính phủ xác lập năm 1996; Bản đồ hiện trạng rừng huyện H và bản đồ quy hoạch vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên T (Được thành lập theo tài liệu kiểm kê năm 1999) tại khu vực này là đất cát.

Theo kết quả kiểm tra, xác minh của Đoàn kiểm tra thành lập theo Quyết định số 934/QĐ-CTUBND ngày 26/9/2005 của Chủ tịch UBND huyện thì trước năm 2000 là đất cát trống; Năm 2000, bà D bao chiếm để trồng rừng, tháng 10/2003 cắt chòi tạm; Năm 2004, bà D tiếp tục trồng keo trên đất và sử dụng đến nay. Theo Quyết định số 07/2002/QĐ-UBBT ngày 11/01/2002 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Bình Thuận đến năm 2010 thì vị trí đất trên nằm trong diện tích đất phát triển du lịch.

Theo Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 18/9/2007 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối giai đoạn 2006 - 2010 huyện H, Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 28/10/2013 của UBND tỉnh B về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của huyện H thì vị trí đất trên nằm trong quy hoạch đất du lịch dịch vụ.

Theo Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện H thì vị trí đất trên nằm trong quy hoạch đất thương mại dịch vụ và đất giao thông.

Tại Điều 85 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “Điều 85: Người nào lấn chiếm đất, huỷ hoại đất, chuyển quyền sử dụng đất trái phép hoặc có hành vi khác vi phạm pháp luật đất đai, thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Căn cứ điểm a khoản 11 Mục I Thông tư số 278/1997/TT-ĐC ngày 07/3/1997 của Tổng Cục Địa chính quy định: “11. Về một số hành vi vi phạm đã nêu trong Nghị định 04/CP được hiểu như sau: a. Hành vi lấn, chiếm đất (Nói tại Điều 2): Việc tự tiện chuyển dịch mốc giới sang đất công cộng hoặc đất của người khác để mở rộng phạm vi đất của mình thì gọi là hành vi lấn chiếm đất. Đất do Nhà nước tạm giao hoặc mượn đất trong thời gian thi công công trình rồi không trả lại đất và việc sử dụng đất công cộng hoặc đất của người khác mà không được pháp luật cho phép thì gọi là hành vi chiếm đất. Người có hành vi lấn, chiếm đất, ngoài hình thức phạt chính còn bị thu hồi đất để trả lại đất công cộng hoặc trả lại cho người có đất bị lấn, chiếm. Trường hợp đặc biệt có thể chưa áp dụng biện pháp thu hồi. Ví dụ: Hành vi tự tiện khai hoang vào đất chưa sử dụng để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà Nhà nước chưa có quy hoạch để sử dụng đất này vào mục đích khác.”.

Căn cứ Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì lấn, chiếm đất được xác định là hành vi vi phạm đang được thực hiện và thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là 02 năm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 14 quy định: “1. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau: ... đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 01 héc ta trở lên.”.

Ngày 20/6/2023, ông Trần Xuân H1 – Công chức địa chính xã T biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị D, thôn T, xã T đối với hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn; Hành vi này được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 20/6/2023, UBND xã T có Công văn số 131/UBND về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của bà Nguyễn Thị D đến Phòng T2 huyện.

Cùng ngày 20/6/2023, Phòng T2 Chi nhánh Văn phòng Đ, UBND xã T định vị trí đất để tính số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với số tiền 67.166.949 đồng. Ngày 21/6/2023, Phòng T2 huyện có Công văn số 272/TNMT về việc chuyển hồ sơ đến Phòng Tư pháp huyện góp ý hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 26/6/2023, Phòng Tư pháp huyện có Công văn số 100/TP-XPHC về việc góp ý kiến xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thể hiện:

- Các Biên bản: Biên bản vi phạm hành chính ghi đúng mẫu, có chữ ký của các thành phần tham gia vào từng trang biên bản theo quy định, các biên bản và giấy tờ liên quan kèm theo cụ thể, rõ ràng.

- Dự thảo Quyết định: Về thể thức: Đúng quy định; Về nội dung: Thống nhất với dự thảo.

Ngày 27/6/2023, Phòng T2 huyện có Tờ trình số 905/TTr-TNMT về việc kiến nghị UBND huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị Dư . Ngày 03/7/2023, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 109/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị D: Tại Điều 1: 2. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; 3. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn chiếm được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền 67.166.949 đồng; 4. Lý do không ra quyết định xử phạt: Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính (Sửa đổi, bổ sung năm 2020)...

Ngày 04/8/2023, UBND xã T (Do ông Trần Xuân H1 – Công chức địa chính xã) giao Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện, giao cho bà Nguyễn Thị Dư .

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định công thức tính xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm.

Căn cứ điểm b, điểm d khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ (Được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022) quy định: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:... b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng; ... đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này”.

Căn cứ khoản 1 Điều 54 Luật Xử phạt vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi năm 2020 quy định: “Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm, hành chính quy định tại Điều 38 ... của Luật này có thể giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính”.

Căn cứ điểm a, điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định: “Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi vi phạm tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 của Điều này và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm; trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này; d) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm...”

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử phạt vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi bổ sung năm 2020 quy định: “1. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong những trường hợp sau đây: ... c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật này.”

Việc Phó Chủ tịch UBND huyện (Được Chủ tịch UBND huyện giao quyền xử phạt vi phạm hành chính) ban hành Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị D là đúng quy định pháp luật.

Việc giải quyết khiếu nại

Ngày 07/8/2023, bà Nguyễn Thị D có đơn khiếu nại Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 của Phó Chủ tịch UBND huyện H (Được Chủ tịch UBND huyện giao quyền xử phạt vi phạm hành chính) buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 14/8/2023, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp Chánh Thanh tra huyện, Phòng Tư pháp huyện, Chi nhánh Văn phòng Đ và UBND xã T kiểm tra xác minh tham mưu giải quyết vụ việc.

Ngày 07/3/2024, Phòng T2 có Báo cáo số 71/BC-TNMT về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Dư .

Ngày 15/3/2024, UBND huyện có Thông báo số 64/TB-UBND về kết luận của Chủ tịch UBND huyện – Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại, kiến nghị của công dân tại cuộc họp ngày 13/3/2024.

Ngày 02/4/2024, UBND huyện tổ chức đối thoại về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực hành chính đối với bà Nguyễn Thị Dư .

Ngày 04/5/2024, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Lần đầu). Giữ nguyên Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 của Phó Chủ tịch UBND huyện H (Được Chủ tịch UBND huyện giao quyền xử phạt vi phạm hành chính) buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Căn cứ Điều 28, Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2012 thì việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, cư ngụ thôn T, xã T (Lần đầu) là đúng quy định của pháp luật.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H: Chủ tịch UBND xã T giữ nguyên ý kiến như Công văn số 3248/UBND-TNMT ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Quan Phú C trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Dư .

***/ Tại phiên tòa:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Dư .
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quan Phú C đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Dư .

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Việc Chủ tịch UBND huyện H xác định bà Nguyễn Thị D lấn chiếm đất là thiếu căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D:

+ Hủy Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện H buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND Ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Lần đầu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Lâm Đồng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng bị kiện và quan hệ tranh chấp: Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Lần đầu) của Chủ tịch UBND huyện H. Xét thấy các quyết định hành chính có nội dung điều chỉnh các quan hệ trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai cụ

thể là về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 04/5/2024 Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Lần đầu). Ngày 17/6/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Dư. Thời hiệu khởi kiện của bà D đảm bảo còn thời hiệu theo Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Về người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương chỉ còn hai cấp tỉnh và xã, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5, Điều 21 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ thì xử phạt vi phạm hành chính về đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã và Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Hồ sơ xử lý vi phạm trước ngày 01/7/2025 được UBND xã T chuyển lên Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý và giải quyết khiếu nại. Địa bàn 3 xã T, xã T, xã T thuộc huyện H, tỉnh Bình Thuận được nhập thành xã T, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, theo quy định mới, Chủ tịch UBND cấp xã tiếp nhận nhiệm vụ từ Chủ tịch UBND cấp huyện nên Chủ tịch UBND xã T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Về thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Qua xem xét hồ sơ giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện H, việc ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013 và theo quy định Điều 17, 18, 28, 29, 30 Luật Khiếu nại.

[6] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện H. Theo hồ sơ vụ án và hồ sơ vi phạm hành chính do người bị kiện cung cấp thể hiện:

[6.1] Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 48, diện tích 10.280,2 m² tại thôn K, xã T theo Mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Thuận Nam đo vẽ ngày 19/6/2023, nằm trong vùng đệm 5.957 ha của Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Kóu được xác lập năm 1996; Bản đồ hiện trạng rừng huyện H và bản đồ quy hoạch vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên T (Được thành lập theo tài liệu kiểm kê năm 1999) tại khu vực này là đất cát.

[6.2] Ngày 25/9/2003, Tổ kiểm tra của Chủ tịch UBND huyện H (Thành lập theo Quyết định số 379/QĐ/CT.UBND ngày 25/6/2003) đã tiến hành lập “Biên

bản kiểm tra xác minh nguồn gốc đất” số 01/BBKT với nội dung ghi nhận kết quả kiểm tra đất của bà Nguyễn Thị D, cụ thể như sau:

- Diện tích đất sử dụng 23.100 m²; loại đất trồng rừng năm 1993;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Tự khai phá để trồng rừng – không có xin phép địa phương; Không có tranh chấp; Đất thuộc xã T (Ranh giới xã T - T); Hiện trạng có cây keo và phi lao. Biên bản này không trình duyệt để xử lý.

[6.3] Ngày 28/10/2003, cán bộ Phòng Địa chính huyện H lập “Biên bản vi phạm hành chính về pháp luật đất đai” với nội dung gia đình bà D xây dựng trụ rào, cất chòi tạm trên đất quy hoạch phát triển du lịch. Kiến nghị bà Nguyễn Thị D tháo dỡ chòi đã làm trên đất phát triển du lịch và không tiếp tục xây dựng các công trình kiên cố hoặc trồng trụ rào thêm trên đất. Biên bản này không trình duyệt để xử lý.

[6.4] Theo Quyết định số 934/QĐ-CTUBND ngày 26/9/2005 của Chủ tịch UBND huyện H, thành lập Đoàn kiểm tra xác định thì trước năm 2000 là đất cát trống; Năm 2000, bà D bao chiếm để trồng rừng, tháng 10/2003 cất chòi tạm; Năm 2004, bà D tiếp tục trồng keo trên đất và sử dụng đến nay.

[6.5] Ngày 20/6/2023, địa chính xã T biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị D đối với hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn.

[6.6] Ngày 20/6/2023, UBND xã T có Công văn số 131/UBND về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của bà Nguyễn Thị D đến Phòng T2 huyện. Ngày 20/6/2023, Phòng T2 Chi nhánh Văn phòng Đ, UBND xã T xác định vị trí đất để tính số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với số tiền 67.166.949 đồng với thời gian vi phạm là trên 3 năm (3,4648).

[6.7] Ngày 21/6/2023, Phòng T2 huyện có Công văn số 272/TNMT chuyển hồ sơ đến Phòng Tư pháp huyện góp ý hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[6.8] Ngày 26/6/2023, Phòng Tư pháp huyện có Công văn số 100/TP-XPHC về việc góp ý kiến xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngày 27/6/2023, Phòng T2 huyện có Tờ trình số 905/TTr-TNMT về việc kiến nghị UBND huyện ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị Dư .

[6.9] Ngày 03/7/2023, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 109/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị Dư . Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn chiếm; Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền 67.166.949 đồng; Lý do không ra quyết định xử phạt: Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định. Ngày 04/8/2023, UBND xã

T giao Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 cho bà Nguyễn Thị Dư .

[6.10] Ngày 04/5/2024 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D (Lần đầu) với nội dung giữ nguyên Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 của Phó Chủ tịch UBND huyện H (Được Chủ tịch UBND huyện giao quyền xử phạt vi phạm hành chính) buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

[7] Theo quy trình xử lý của người bị kiện, từ năm 2003 và năm 2005 bà D bị lập biên bản vi phạm hành chính về đất đai nhưng địa phương đều không xác định bà D lấn chiếm đất mà chỉ xác định vi phạm về xây dựng, vi phạm trồng rừng. Sau đó Chủ tịch UBND huyện H lại hủy bỏ các kết quả xác minh về thửa đất mà bà D đang quản lý sử dụng nhưng không nêu rõ lý do. Đến 20 năm sau, vào ngày 20/6/2023 địa chính xã T biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị D mới xác định bà D có hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn. Người bị kiện lại buộc bà D nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền 67.166.949 đồng thời gian là 3 năm. Như vậy việc lập biên bản vi phạm hành chính về đất đai của bà D vào năm 2003 và năm 2005 nhưng không xử lý là lỗi của người bị kiện. Các biên bản này không xác định bà D lấn chiếm đất của cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào. Đến ngày 20/6/2023 UBND xã T lại tiếp tục lập biên bản vi phạm về việc bao chiếm đất chưa sử dụng là xác định sai về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của bà D, đồng thời áp dụng pháp luật tại thời điểm lập biên bản cho hành vi đã xảy ra trước đó hơn 20 năm là thiếu căn cứ.

[8] Về quá trình sử dụng đất và thời điểm sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Dư . Theo đơn của bà D và có xác nhận của địa phương thì từ năm 1993 bà D đã trồng cây keo và cây phi lao trên đất. Căn cứ theo Kết luận giám định tư pháp số 01-2025/KL/GĐCN ngày 27/5/2025 xác định loại cây phi lao trên đất mà bà D khiếu kiện có độ tuổi từ 22 đến khoảng 33 năm, do đó bà D khai bà khai hoang thửa đất từ năm 1993 là có căn cứ. Theo người bị kiện xác định từ năm 1996 thửa đất của bà D được quy hoạch nằm trong vùng đệm 5.957 ha của Khu bảo tồn thiên nhiên T. Từ năm 2002 nằm trong quy hoạch đất du lịch dịch vụ. Như vậy UBND xã T và huyện H đều không có quyết định, văn bản nào xác định việc quản lý thửa đất của bà D cụ thể như thế nào mà chỉ xác định quy hoạch chung của một vùng, khu vực. Tại Báo cáo số 211 BC/TTr ngày 29/10/1999 của Thanh tra tỉnh Bình Thuận có nội dung thể hiện “Tại Điều 2 Quyết định số 2686 QĐ/UBBT ngày 12/12/1996 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng khu B có quy định việc xây dựng dự án phát triển kinh tế văn hóa xã hội vùng đệm trình cấp có thẩm quyền thẩm định để tổ chức thực hiện trong năm 1997. Dự án xác định: Đây là khu đông dân cư có tác động lớn đến khu bảo tồn nên có phương án tạo cho các gia đình, nhóm hộ sinh sống quanh khu bảo tồn sản xuất nông lâm kết hợp lâu dài và ổn định. Hướng cho nhân dân gần bó khu bảo tồn bằng các hoạt động nông – lâm nghiệp có thu nhập ngày càng tăng dần theo thời gian...”. Thời điểm thực hiện

việc quy hoạch đất đai chỉ bắt đầu xác định bằng quy hoạch vào năm 1996 nhưng tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện xác định đến năm 2005 UBND huyện H mới chính thức thực hiện quy hoạch chi tiết khu vực xã T thì bà D đã sử dụng đất trước đó nên việc xác định bà D lấn chiếm đất do nhà nước quản lý là chưa chính xác, thực tế việc sử dụng đất này là đất khai hoang. Giấy xác nhận của người trồng rừng (Do ông Trương Hoàng P – Cán bộ Đoàn Biên phòng D2 và Phó Đoàn trưởng Đoàn Biên phòng D2 ký xác nhận) năm 1993 bà Nguyễn Thị D có Hợp đồng trồng rừng tại xã T.

[9] Về việc xác định bà D lấn chiếm đất chưa sử dụng: Quy định về “**đất chưa sử dụng**” đã có những thay đổi qua từng thời điểm ban hành Luật Đất đai. **Tại Điều 47 Luật Đất đai năm 1987** (Hiệu lực từ ngày 23/12/1987): Đất chưa sử dụng là đất chưa được xác định để dùng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư, chuyên dùng và Nhà nước chưa giao cho ai sử dụng ổn định, lâu dài. Hội đồng bộ trưởng lập quy hoạch, kế hoạch và **có chính sách khuyến khích các tổ chức và cá nhân đưa đất chưa sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp.**

Điều 72 Luật Đất đai năm 1993 quy định: *Đất chưa sử dụng là đất chưa có đủ điều kiện hoặc chưa được xác định để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp; Chưa được xác định là đất khu dân cư nông thôn, đô thị, chuyên dùng và Nhà nước chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng ổn định lâu dài.*

Tại khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai 2003 và khoản 1 Điều 164, khoản 1 Điều 165 Luật Đất đai năm 2013 đều quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính, giao nhiệm vụ cho UBND các cấp có kế hoạch đầu tư, khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

Theo khoản 2 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013: “*Trường hợp quy hoạch sử dụng đất đã được công bố mà chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng và được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật*”

Như vậy, Luật Đất đai từ năm 1987 đến năm 2003 đều quy định UBND cấp xã thực hiện việc quản lý đất đai chưa sử dụng, lập sổ địa chính, mục kê. Đất chưa sử dụng theo Luật Đất đai năm 1987 và năm 1993 thì được khuyến khích khai hoang, cải tạo phục hóa, lấn biển để đưa đất vào sử dụng.

[10] Từ những nhận định trên, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 48 tại thôn K, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Cũ) do vợ chồng bà D khai hoang, sử dụng ổn định từ trước 1/7/2004, được UBND cấp xã cũng như cộng đồng dân cư sống nơi có đất xác định không có tranh chấp, đất được sử dụng trước thời điểm có kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Việc sử dụng đất của bà D nếu có vi phạm thì vẫn đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều

20, Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[11] Mặc dù bị lập biên bản vi phạm hành chính từ năm 2003 nhưng đến nay, việc xử lý vi phạm đã hết thời hiệu, theo khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì hành vi của bà D vẫn chưa bị xử lý. Việc UBND huyện H áp dụng quy định của pháp luật hiện hành để xử lý hành vi từ năm 2003 là vi phạm quy định Luật Đất đai về việc sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Vì vậy việc ban hành Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện H buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị D cần phải hủy bỏ. Đồng thời Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D cũng phải hủy bỏ. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên có căn cứ chấp nhận.

[12] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí giám định tuổi cây do bà D nộp tạm ứng trước. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại Điều 358 Luật Tố tụng hành chính tuy nhiên tại phiên tòa bà D tự nguyện chịu những chi phí này và không yêu cầu hoàn trả nên HĐXX không xét hoàn trả.

[13] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Chủ tịch UBND xã T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

- Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính;
- Điều 47 Luật Đất đai năm 1987;
- Điều 72 Luật Đất đai năm 1993;
- Khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai 2003;
- Khoản 2 Điều 49, Điều 99, Điều 101, Điều 102, khoản 1 Điều 164, Điều 165 Luật Đất đai năm 2013;
- Điều 17, Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Luật Khiếu nại năm 2012;
- Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về những nội dung sau:

- Hủy Quyết định số 109/QĐ-KPHQ ngày 03/7/2023 của Chủ tịch UBND huyện H buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Lần đầu).

3. Về án phí: Chủ tịch UBND xã T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000433 ngày 21/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (Nay là Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng) được trả lại cho bà Nguyễn Thị Dư .

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Những người tham gia tố tụng (Theo địa chỉ);
- Tổ HCTP –TALĐ;
- Công TTĐT-TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Phương